

CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA LÀNG MINH HƯƠNG CHỢ LỚN (MỘT PHÂN TÍCH QUA BẢN “KHOÁN ƯỚC VÀ TIỂU SỬ CÁC VỊ TIỀN BỒI”)

TRINH THỊ LỆ HÀ

TÓM TẮT

Làng Minh Hương Chợ Lớn là một trong những ngôi làng hiếm hoi ở Nam Bộ tồn tại Bản Hương ước, với tên gọi là “Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối”. Thông qua Bản Khoán ước này, bài viết phân tích cơ chế quản lý của làng Minh Hương Chợ Lớn, từ việc quản lý các thành viên trong Ban Quản trị cho đến từng người dân trong làng, qua đó, nhấn mạnh vai trò của Bản Khoán ước đối với việc gìn giữ tôn ti trật tự trong ngôi làng.

1. VÀI NÉT VỀ LÀNG MINH HƯƠNG CHỢ LỚN VÀ BẢN “KHOÁN ƯỚC VÀ TIỂU SỬ CÁC VỊ TIỀN BỒI”

1.1. Sự thành lập làng Minh Hương Chợ Lớn

Làng Minh Hương Chợ Lớn được thành lập từ một biến cố lịch sử đặc biệt: năm 1644, nhà Minh ở Trung Quốc sụp đổ, nhà Mãn Thanh lên ngôi. Một bộ phận người Hoa không chịu khuất phục nhà Thanh đã di cư vào Đàng Trong, xin các chúa Nguyễn cho sinh cơ lập nghiệp tại đây (hai nhóm người Hoa đầu tiên đó là nhóm

Dương Ngạn Địch-Trần Thượng Xuyên và nhóm Mạc Cửu). Các chúa Nguyễn đã cho phép họ xuống sinh sống ở vùng đất phương Nam, một nơi còn khá hoang vu, chưa được khai phá nhiều. Lúc đầu các nhóm người Hoa sinh sống một cách tự do cùng với người Việt trên vùng đất mới này. Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào thiết lập cơ sở hành chính trên đất Nam Bộ. Ông tiếp tục “chiêu mộ dân lưu tán ở Châu Bó Chính trở vào để ở cho đầy, đặt các xã thôn phường ấp, chia cắt địa phận, trưng chiếm ruộng đất, chuẩn bị thuế điền thuế đinh, làm ra sổ đinh điền” (Trịnh Hoài Đức, 1998, tr. 77). Những người Hoa đã cư trú từ trước ở vùng đất này được lập làng riêng của mình. *Gia Định thành thông chí* chép: “từ đây con cháu người Trung Quốc ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà; ở Phiên Trấn lập làm xã Minh Hương, đề u biên vào sổ hộ khẩu” (Trịnh Hoài Đức, 1998, tr. 77). Các làng Minh Hương được thành lập từ đây.

Tên gọi Minh Hương là do những lưu dân này tự chọn cho mình. Hai chữ “Minh Hương” theo ý nghĩa ban đầu mà họ tự nhận có nghĩa là “những người gìn giữ hương hỏa nhà Minh” (“Minh – 明” là nhà Minh, còn “Hương – 香” có nghĩa là hương

thơm). Theo tác giả của loạt bài viết “*Lược khảo về chế độ cai trị người Minh Hương ở Nam Kỳ*” thì khi chọn tên gọi này có lẽ người Minh Hương “ngụ ý muốn lấy chút quốc hồn trong khi lưu lạc quê người đất khách, hoặc giả họ cam phận tha hương cầu thực nên muốn riêng lập một ‘quê hương’ nho nhã để chung sống và giúp đỡ lẫn nhau” (Khuông Việt, 1943, tr. 21).

Từ năm 1827, để giữ quan hệ hòa hiếu với nhà Thanh, trong các văn bản ngoại giao chính thức, nhà Nguyễn đã thay chữ Hương 香 (bộ “hương”) nghĩa là “hương thơm” thành chữ “hương 鄉” (bộ “ấp”) có nghĩa là “làng”. *Đại Nam thực lục* có ghi chép về sự kiện này như sau: “Vào năm Minh Mệnh thứ 8 [1827]: Đổi tên xã Minh Hương [明 香] ở các địa phương làm xã Minh Hương [明 鄉]” (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002, tr. 919). Tất cả những văn bản hành chính của triều Nguyễn từ đó đều viết từ Minh Hương theo nghĩa này. Đến thời điểm này, khi nhắc đến người Minh Hương thì không còn có ý nghĩa là “những người giữ gìn hương hỏa nhà Minh”, “những người trung thành với nhà Minh” mà đã trở thành “những làng xóm cũ của người Hoa đến Việt Nam từ thời Minh”. Có thể nói, sự thay đổi về tên gọi từ “hương” có nghĩa là “hương thơm” thành “hương” có nghĩa là “làng” đã phản ánh quá trình hội nhập của cộng đồng di dân người Hoa vào thể chế xã hội của Việt Nam.

1.2. “Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối” – Bản Hương ước của làng Minh Hương Chợ Lớn

Hương ước là những quy định riêng của mỗi làng do các thành viên trong làng tự đặt ra, phù hợp với hoàn cảnh riêng của

làng đó. Ở miền Bắc và Bắc Trung Bộ hầu như làng nào cũng có hương ước, còn được gọi là lệ làng. Còn ở Nam Bộ việc sưu tầm lại rất khó khăn, không ai biết đến hương ước, nhất là những làng mới lập sau này. Bản Hương ước hiếm hoi hiện nay còn tìm thấy được ở Nam Bộ chính là của làng Minh Hương Chợ Lớn, có tên là “Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối”.

Bản Khoán ước này được soạn thảo lần đầu năm 1789, do các vị hương chức và trí thức cùng các thành viên trong làng bàn định soạn thảo. Sau đó, Trịnh Hoài Đức duyệt lại, thêm bớt một số khoản vào năm 1821 và tới năm 1823 lại thêm một số khoản mới. Mở đầu của hương ước ghi: “Nước có pháp luật, nhà có châm quy” – gần giống với cách mở đầu của các bản hương ước của làng Việt: “Nước có pháp luật quy định, dân có điều ước riêng...” (Sơn Nam, 1984, tr. 76).

Lý do ra đời của Bản Khoán ước làng Minh Hương Chợ Lớn được ghi rõ như sau: “Vi công việc làng nhiều, người làm làng cũng đông (Hương lão, Hương trưởng, Hương trùm, chức này sau đổi tên lại là Xã trưởng, chức Biện thủ, Giáp bàng cân, Thông Ngôn, v.v.) nên cần phải lập qui điều hầu coi theo đó mà thi hành, đặng làm việc làng cho có qui tắc” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 3)⁽¹⁾. Trong trang 7 của Bản Khoán ước cũng bổ sung thêm cho chúng ta biết nguyên nhân ra đời của Bản Khoán ước này: “Vi thấy trước kia có nhiều điều rất tệ, làm cho đến nỗi phong tục suy đồi, thật rất đáng tiếc, nên nay mời hết dân trong làng đặng công nghị dùng lấy phần đông mà lập ra cuốn Khoán ước này, đều có định lệ...” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 7). Trước khi lập ra

khoán ước, làng Minh Hương đã nêu lên những lý do rõ ràng, hết sức hợp lý, thể hiện mong ước của dân Minh Hương, muốn xây dựng làng Minh Hương thành một làng xã “văn minh, lịch sự”, có tôn ti trật tự rõ ràng.

Bản Khoán ước gồm tất cả 40 điều khoản, nhưng trong khi dịch ra Việt ngữ, Ủy ban chuyển dịch đã bỏ bớt các Khoản thứ 4, 16, 17, 18, 20, 21, 34, 39 và 40, với lý do: “Khoản nào nay Hội không cần dùng đến, thì bỏ bớt” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 3). Do đó, Bản Khoán ước bằng Việt ngữ chỉ gồm có tất cả là 31 điều khoản. Tuy chỉ gồm có 31 điều nhưng Khoán ước cũng đã quy định rõ về trách nhiệm của các hương chức trong làng; về các thứ bậc, tôn ti trật tự của các thành viên; việc xử lý những hương chức sai phạm; các nghi thức cưới hỏi, tang ma.... Bản Khoán ước là một nguồn tư liệu rất quan trọng để giúp chúng ta hiểu rõ thêm về cơ chế quản lý của làng Minh Hương đương thời, mặc dù một thời gian sau khi hình thành làng thì Bản Khoán ước mới ra đời.

2. CƠ CHẾ QUẢN LÝ CỦA LÀNG MINH HƯƠNG CHỢ LỚN QUA “KHOÁN ƯỚC VÀ TIÊU SỬ CÁC VỊ TIỀN BỐI”

Giống như các làng xã ở Việt Nam lúc bấy giờ, cơ chế quản lý của làng Minh Hương Chợ Lớn cũng dựa vào hai cơ sở: thứ nhất là những quy định của nhà nước phong kiến Việt Nam và thứ hai là dựa vào Khoán ước của làng, do một ban Quản trị làng điều khiển.

Theo Khoán ước của Hội Minh Hương Gia Thạnh thì đảm nhận việc quản lý trong làng Minh Hương là một Ban Quản trị, với

các vị hương chức do dân làng bầu chọn nên. Đứng đầu Ban Quản trị là ông Hương trưởng, kế đến là Hương lão và các ông Trùm (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 3). Theo ông Mai Hà Tông – một hậu duệ của làng Minh Hương, Ban Quản trị này không phải đến khi xây dựng nên Bản Khoán ước mới hình thành, mà đã có ngay từ những ngày đầu mới lập làng. Tuy nhiên, khi đó bộ máy Ban Quản trị chưa được hoàn thiện mà chỉ mới có một hoặc hai nhân vật chủ chốt đóng vai trò cầm cân nảy mực trong làng.

Nhiệm vụ của Ban Quản trị là quản lý tất cả các công việc chung của làng, gồm: trật tự an ninh, thu các loại thuế để nộp cho nhà nước, giải quyết các vụ tranh chấp trong làng; tham dự và đảm nhận việc cúng lễ Kỳ yên (là lễ hội lớn nhất trong năm của làng), lo việc tang ma và cưới hỏi của các thành viên trong làng. Trong Ban Quản trị của làng thường có một người thông ngôn đảm trách việc phiên dịch khi các hương chức cần trao đổi, gặp gỡ với chính quyền địa phương.

Bản Khoán ước đã quy định rõ về các thành viên trong Ban quản trị. Tiêu chuẩn để được vào trong Ban Quản trị là những người đứng tuổi hoặc có trình độ học vấn cao. Theo Bản Khoán ước thì “Hương lão và Hương trưởng là người tuổi cao tác lớn, công cán nhiều năm, chuyên lo việc quan, phân xử việc làng, phải nên gắng chí đồng lòng lo lắng cùng nhau, trông nhau như ruột thịt, chung lo giềng lợi và trừ mối hại, cố chí khuyên người hiền, răn kẻ dữ, chia nhau mà làm cho tròn phận sự, trọng nơi lễ ngay, đều thẳng mà bàn tính cùng nhau...” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 4).

Bên cạnh đó, các chức Trùm cựu hay Trùm tân cũng phải là những người “giỏi giắn, siêng năng” được lựa chọn qua các cuộc “công nghị” của làng, chuyên lo việc ghi chép các khoản chi phí chung cho làng. Nói chung “bậc Hương lão, Hương trưởng và Trùm tân, cựu đều là người trưởng thượng trong làng, đứng đầu trong sổ bộ là Ban Quản trị, cầm giềng mối xử phân, phải ngay thẳng, thanh liêm cần cáng, tử tế, làm công việc công bình, biết thương xót kẻ dưới...” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 10).

Khoán ước cũng có quy định rất chặt chẽ đối với cả những hương chức hạng thấp hơn: “Chức Biện, Cựu cũng như tán lá của làng, lựa chọn đủ tài năng đã lâu ngày công khó, phải sánh đồng tâm hiệp lực mà làm cho tròn nhiệm vụ của mình, phải luân phiên nhau mà làm việc làng.... Nếu làng có việc cần dùng, thì hễ mời một lần là đến ngay, không đặng trì hưỡn hay lánh mặt mà lờ dờ, phiên nhóm” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 5).

Ở làng Minh Hương Chợ Lớn, việc bầu chọn các hương chức của làng thực sự là một sự kiện trọng đại trong đời sống của dân làng, chính vì vậy nó được tổ chức hết sức sôi nổi. Khoản thứ 6 của Khoán ước đã thể hiện rõ điều này: “Làng lại có đệ tờ bầu, dấu đóng rõ ràng, cũng có đi cho một bộ lễ kiết là mừng người ấy nhậm chức” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 7).

Khoán ước không cho biết cụ thể nhiệm kỳ của một Ban Quản trị làng là bao lâu, tuy nhiên một số điều khoản có những quy định riêng đối với từng vị hương chức cho phép ta có thể suy xét. Khoản thứ 25 có ghi: “Phàm làm Hương trưởng, phải lo coi

sóc giùm công việc làng. Trong làng xem ông như người ruột thịt. Nếu trong ba năm mà ông đảnh bỏ phế, không cần đến công việc của làng thì phải bị giáng cấp làm chức Trùm cựu mà thôi” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 14). Quy định này cho thấy nhiệm kỳ của ông Hương trưởng chắc chắn phải là từ 3 năm trở lên. Bên cạnh đó, khoản thứ 30 cũng cho ta biết thêm về thời gian đương chức của các hương chức cấp nhỏ hơn: “Trùm tân, Chức tân, Thị giả, Biện, Giáp đều lựa người có tài năng mới phú thác công việc trong một năm, phận sự của ai thì nấy ráng làm cho siêng năng, cần mẫn” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 16). Như vậy, các chức Trùm tân, Chức tân, Thị giả, Biện, Giáp có nhiệm kỳ là một năm.

Theo quy định của Khoán ước, những người được bầu làm hương chức, nếu thấy mình không đủ sức đảm đương công việc, hoặc nếu vì một lý do gì đó không thể nhận trọng trách đó thì phải công khai xin được miễn và phải nêu rõ được lý do tại sao lại từ chối không đảm trách. Quy định này thể hiện rõ trong Khoản thứ 6 của Khoán ước: “Lúc đầu nhậm chức hay không phải cho biết, đừng để sau hối hận; đừng vì hờn riêng để bụng mà không bày tỏ lại, đem tờ bầu trả lại cho viên Trùm tân. Ấy là khinh rẽ tờ bầu không có giá trị, thì mang lầy tội thất nghị”. Trong Khoản thứ 12 cũng nêu rõ “Nếu người của làng đã cử ra mà từ khước, không nhận chức, thì phải bày tỏ cho ra biết tại duyên cớ nào mà thiệt tình không thể thọ chức được và hẹn lại ngày sau thì được, bằng có tánh kiêu căng hay khinh rẽ, không màng, hoặc ý thể khi dễ làng, là người ấy khôn trọn phận râu mày, muốn làm việc để hèn. Trong làng

phải công nghị bỏ tên ấy ra, gọi là không phải người của làng nữa” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 9).

Như vậy, những người đứng đầu Ban Quản trị, đóng vai trò “cầm cân nảy mực” trong làng đều được chính những người dân trong làng lựa chọn hết sức kỹ lưỡng, không những tài giỏi mà phải là những người có tâm, có đức. “Ban Quản trị” của làng thực chất chính là một Hội đồng điều hành hợp bởi những người có uy tín, có tài sản, có năng lực và có công lao đối với làng, trong đó Hương lão có vai trò như cố vấn, còn Hương trưởng là người trực tiếp điều hành. Với một đội ngũ Ban Quản trị được tuyển chọn kỹ lưỡng, làng Minh Hương được quản lý bằng một cơ chế hết sức chặt chẽ, có quy củ.

So sánh với một số làng Minh Hương đương thời ở các địa phương khác, ta thấy tuy tên gọi khác nhau nhưng bộ máy hành chính của các làng này cũng gồm các chức vụ tương đương với các viên chức trong làng Minh Hương Chợ Lớn. Chẳng hạn như người đứng đầu Minh Hương xã Hội An gọi là Cai xã: lo các việc thu thuế của xã để nộp lại cho nhà nước, lo việc giữ gìn an ninh trật tự trong địa phương, giải quyết các tranh chấp nội bộ. Chức vụ này tương đương với Hương trưởng trong bộ máy của làng Minh Hương Chợ Lớn. Dưới Cai xã Hội An là các vị Hương lão và Hương trưởng. Hương trưởng là những nhân sĩ danh giá và có thế lực trong làng. Hương lão là trưởng lão của xã, là người đại diện của làng, chức vụ này thường do những bậc tiền bối trong Hương trưởng đảm nhận (Cheng Chinh Ho, 1962, tr. 10-13). Đối với Minh Hương xã ở Vĩnh Long,

tên gọi các viên chức trong làng có sự thay đổi nhất định theo thời gian. Năm Thái Đức thứ 6 (1783), người đứng đầu ở Minh Hương xã được gọi là Trùm. Đến năm Minh Mạng thứ tư (1828), chức vụ này được đổi thành Xã trưởng. Ngoài Xã trưởng và các viên chức trong xã còn có Xã phó, Hương thư, Xứng cân, Trị sự, Tri khách, Dịch mục... Hương chức gồm có: Hương chủ (Bá hộ) và Hương lễ - là những người cao tuổi được dân bầu vào với tư cách như là cố vấn cho xã (Nguyễn Cẩm Thúy (chủ biên) (2000), tr. 15).

Có thể thấy, tuy tên gọi các viên chức giữa các làng Minh Hương không giống nhau và cũng không giống với tên gọi của các viên chức trong làng xã của Việt Nam đương thời (gọi là Tiên chỉ, Thứ chỉ, Lý trưởng, Phó lý...) nhưng cơ cấu các làng Minh Hương cũng giống như cơ cấu làng xã Việt Nam nói chung. Tuy nhiên các làng Minh Hương là những đơn vị dân cư tương đối độc lập, tự trị về kinh tế và văn hóa. Mối liên hệ chủ yếu của các làng với nhà nước phong kiến đương thời là thống kê dân số, nộp thuế và thực hiện các yêu cầu sưu dịch hàng năm. Rõ ràng, cơ chế quản lý của các Minh Hương xã gần như mang tính tự trị, theo qui định dành cho người Hoa của nhà nước phong kiến Việt Nam, như ông Cheng Chinh Ho đã khẳng định: “Minh Hương xã cũng như các làng khác là một đoàn thể tự trị, hết thầy công việc trong xã đều theo sự hợp nghị mà định đoạt” (Cheng Chinh Ho, 1962, tr. 13).

Các quy định đối với các hương chức trên các phương diện: phẩm hạnh đạo đức, trí tuệ, thăng cấp cho hương chức, việc kỷ luật hương chức, việc phê bình, đánh giá

các hương chức... đã chiếm 17/31 tổng số điều khoản mà Bản Khoán ước đề ra. Có thể dẫn ra đây một số điều khoản tiêu biểu như:

“Khoản thứ nhất. – Hương lão và Hương trưởng là người tuổi cao tác lớn, công cán nhiều năm, chuyên lo việc quan, phân xử việc làng, phải nên gắng chí đồng lòng, lo lắng cùng nhau, trông nhau như ruột thịt, chung lo giềng lợi và trừ mối hại, cố chí khuyên người hiền, răn kẻ dữ, chia nhau mà làm cho tròn phận sự, trọng lời lẽ ngay, đều thẳng mà bàn tín cùng nhau, đừng lập phe lập đảng, bình phẩm cho thanh cao; lời nói ra như chạm vào bản vàng bia đá, trong làng mới phục mình là người đứng đắn.”

“Khoản thứ nhì. – Trùm cựu hay Trùm tân cũng trong làng công nghị mà lựa những người trong bộ, giỏi giẩn, siêng năng mà bào cử ra làm lớn trong làng, đặt chuyên lo việc làng. Các việc đều phải cần-mẫn, lo lắng, đừng để tổn phí nhiều. Trong sổ đầu xuất phải biên chép cho kỹ lưỡng. Chẳng nên khai xài thâm tiền của làng, cũng không nên làm theo ý riêng của mình, không kể đến điều-lệ của làng; dầu việc nào có lợi ích chung, cũng phải làm công khai, không nên làm âm thầm trong bóng tối. Đừng tham lạm. Như gặp việc khánh điệu cùng là việc nào khác, phải làm theo thường lệ, thì cứ việc xem xét cho kỹ-càng, rồi cứ theo lệ mà thi hành.”

“Khoản thứ ba. – Chức, Biện, cựu cũng như tân, là của Làng lựa chọn, đủ tài năng, đã lâu ngày công khó, phải ráng đồng tâm hiệp lực mà làm cho tròn nhiệm vụ của mình, phải luân phiên nhau mà làm việc làng. Nếu làng có việc cần dùng, thì hể

mời một lần, là đến ngay, không dặt tri hoãn, hay lánh mặt mà lơ dờ phiến nhóm. Phạm các việc chung, như có mua sắm món chi, cũng phải độ giá cả, chớ đừng hốt tốp; hoặc có lãnh hay nạp món chi, thì cũng phải có giấy tờ để lại cho biết gốc tích; đừng xài ít tính nhiều, mua rẻ nói mắc, lấy lợi chung mà làm của riêng; xài lãng phí của làng...” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 4-5).

Có thể nói ba điều khoản trên đây đã tóm lược gần như đầy đủ những đức tính cần phải có đối với những vị hương chức quan trọng nhất trong làng, kể từ các vị Hương lão, Hương trưởng là những vị đóng vai trò lãnh đạo Minh Hương xã xuống đến các vị Trùm, Biện là những vị đóng vai trò trực tiếp thực hiện các công việc trong Minh Hương xã. Các tiêu chuẩn nêu ra trong các điều khoản này bao gồm cả hai mặt tài năng và đức độ nhưng rõ ràng là nhấn mạnh về đức độ hơn là tài năng.

Bên cạnh tiêu chuẩn đối với các vị hương chức, Bản Khoán ước cũng đề ra các tiêu chuẩn về phẩm hạnh dành cho dân làng một cách rõ ràng, minh bạch, thể hiện qua một số điều khoản như:

“Khoản thứ 5. – Có người nhập tịch vô làng, là một cái nền tảng, tiền tấn hậu kế, nối gót nhau, phải giữ nề nếp mà noi theo pháp luật của làng, trên hòa dưới thuận, đừng làm những việc phi pháp. Ai làm phải, thì nên bắt chước theo. Nếu có làm lỗi, thì phải sửa mình. Phạm mình còn nhỏ, thì phải biết kính trọng. Khi gặp người lớn ngoài đường, phải chào hỏi. Khi mình ngồi, thấy người lớn, phải đứng dậy. Khi đi gặp người lớn, phải nhường bước. Kinh-Thị nói

rằng: Minh không biết cung kính, thì đâu gọi là lễ phép vậy. Nếu có việc chi trong làng, Kỳ yên hay là làm nguơn chẳng hạn, thì nên nói gót theo sau kêu rữ như chim cưu rữ nhận vậy; phải nghe theo, ứng chực đặng lo công việc; đừng tập thói xấu, lánh nặng tìm nhẹ, kiếm chỗ đi chơi; đừng ý giàu mà phạm thượng, đừng cậy thế mà hiếp người, đừng kiêu hãnh mà làm sai siêng trong điều-ước của làng, thì lỗi ấy khó dung. Nếu trong gia đạo có xảy ra việc bất hòa hay có gây gỗ với người đồng hương, nhục bằng nhịn không được, thì phải đem việc ấy đến nhà ông Trùm mà kêu nài hầu đem ra làng phân xử cho minh bạch, thường phạt đàn rành.” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 6).

“Khoản thứ 15. – Bực tôn trưởng và các chức việc trong làng có sai khiến đều chi, thì trên phán ra, dưới phải làm y theo, là lẽ cố nhiên. Nếu ai có tánh chần chờ, thì phải chừa ngay đi, đặng làm gương cho kẻ dưới sau này khỏi làm sai phép.” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 11).

“Khoản thứ 27. – Hương-ước nghĩ rằng: Từ loài cầm thú đến vật nhỏ nhen, đều diu dắc nhau đi, kiếm được mồi, kêu nhau chia; huống chi là người, có tánh linh hơn muôn vật mà không dùng nghĩa đặng giao thiệp nhau, không dùng nhơn đặng giúp đỡ nhau; bốn bề đều là anh em, tuy khác ý nhau, mà còn có khi giúp đỡ nhau được. Cây đào cây lý ở chung một nhà, đều biết nhau, há không thương yêu nhau, cái chủ tâm đó ai ai cũng vậy, nên mới lập ra điều ước này. Phạm chúng ta là một người làng, nếu có việc Quan, Hôn, Tang, Tế phải gắng sức đồng lòng thật tình giúp đỡ nhau, bất luận có tiền hay là không tiền, ấy là tùy

gia vô hữu, không hại chi mà ngại, đừng phân biệt sang hèn, hay giàu nghèo mà nghi kị nhau, làm mất chỗ lễ nghĩa đi, còn đâu gọi là thuần phong mỹ tục, thì có vui về gì. Hãy cố gắng làm theo điều ước này.” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 14-15).

Khoản ước cũng rất chú trọng đến mối quan hệ giữa các thành viên trong làng. Ngay từ lời mở đầu, Bản Khoản ước đã nhấn mạnh về mối quan hệ giữa các thành viên: “Muốn quy tụ cho đông đảo, thì phải xử sự cho vuông tròn, người đời phải biết cư xử cho hòa nhã thì mới quý. Đông là nhờ biết phải quấy mà khuyên lẫn nhau. Hòa là biết lỗi, phải sửa mình ngay, ấy là nhờ biết đều vậy” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 4).

Làng Minh Hương Chợ Lớn quy định rất rõ về tôn ti trật tự giữa các thành viên trong làng. Theo Khoản ước thì “như trong làng có việc, thì đều lưu hợp lại, đặng bàn nghị. Các vị Hương lão, Hương trưởng, Trùm cưu, Trùm tân cũng như chức sự đều có mặt... Phải biết thượng hạ, tôn ti, khi vào tiệc, dưới trên cho có thứ lớp... Làng xóm lớn nhỏ đều hòa mục, trong ấm ngoài êm, sắc phục chỉnh tề, ăn nói ôn hòa” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 8). Khi trong gia đình hay giữa các gia đình trong làng có việc tranh chấp thì “phải đem việc ấy đến nhà ông Trùm mà kêu nài, hầu đem ra làng mà phân xử cho minh bạch, thường phạt cho rành” (Hội Minh Hương Gia Thạnh, 1951, tr. 21). Bồi nếp sống có tôn ti trật tự trên dưới như vậy cho nên năm 1863, làng Minh Hương Chợ Lớn được vua Tự Đức ban tặng một bức hoành phi sơn son thiếp

vàng với bốn chữ “Thiện tục khả phong” (phong tục tốt đẹp đáng khen). Tấm biển này hiện nay vẫn còn được lưu giữ tại đình Minh Hương Gia Thạnh. Cho đến nay, trong dân gian vẫn còn truyền tụng những lời ca tụng về phong hóa tốt đẹp của làng Minh Hương:

*Gỏi chi ngon bằng gỏi tôm càng
Đố ai lịch sự bằng làng Minh Hương*

Có được những kết quả này, trước hết là nhờ vào sự nỗ lực của các thành viên trong làng, và điều này đã được thể hiện tập trung trong Bản Khoán ước.

3. KẾT LUẬN

“Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối” của làng Minh Hương Chợ Lớn là một trong những Bản Hương ước hiếm hoi được tìm thấy ở Nam Bộ. Qua nội dung Bản Khoán ước ta thấy làng Minh Hương Chợ Lớn có một cơ chế quản lý khá chặt chẽ, bởi Khoán ước không chỉ quy định rõ trách nhiệm của những người dân trong làng, của Ban Quản trị làng mà còn chú trọng vấn đề phẩm hạnh, đạo đức của những người đóng vai trò “cầm cân nảy mực” và cả trong những người dân trong làng. Với các điều khoản cụ thể và liên tục được bổ sung, hoàn thiện theo thời gian, Bản Khoán ước đã tạo ra một định chế chính trị-xã hội giữa các thành viên trong làng, góp phần gìn giữ tôn ti, trật tự cho làng. Nhờ thế, làng Minh Hương từ lâu luôn được xem là một làng có phong tục tốt đẹp ở Nam Bộ. □

CHÚ THÍCH

(1) Bài viết trích dẫn nguyên gốc cách diễn đạt trong văn bản Khoán ước. Một số từ và

cách diễn đạt có thể khác với hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cheng Chinh Ho. 1962. *Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã và các cổ tích tại Hội An*. Việt Nam khảo cổ tập san. Số 3.
2. Hội Minh Hương Gia Thạnh tại Chợ Lớn. 1952. *Điều lệ*. Sài Gòn: Imp. De Lunion Ng.-Van-Cua.
3. Hội Minh Hương Gia Thạnh. 1951. Sài Gòn. *Khoán ước và tiểu sử các vị tiền bối*.
4. Kermadec de, J.M. 1955. Sài Gòn. *Cho Lon Ville Chinoise*, Société Asiatique.
5. Khuông Việt. 1943. *Lược khảo về chế độ cai trị người Minh Hương ở Nam Kỳ*. Đại Việt. Số 8, 9.
6. Nguyễn Cẩm Thúy (chủ biên). 2000. *Định cư của người Hoa trên đất Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
7. Phan An. 2006. *Góp phần tìm hiểu văn hóa người Hoa ở Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.
8. Phòng vấn ông Mai Hà Tông. Trưởng Ban Trị sự Đình Minh Hương Gia Thạnh (2007-2010). Ngày 25/9/2009.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn. 2002. *Đại Nam thực lục (tập 1)*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
10. Sơn Nam. 1984. *Đất Gia Định xưa*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
11. Trần Văn Giàu (chủ biên). 1987. *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
12. Trịnh Hoài Đức. 1998. *Gia Định thành thông chí* (Bản dịch của Viện Sử học). Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
13. Vương Hồng Sển. 1991. *Sài Gòn năm xưa*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
14. Vương Hồng Sển. 1992. *Sài Gòn tạp pín lù*. Hà Nội: Nxb. Hội Nhà văn.